1. **Tên để tài:**

Đổi mới trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh trong bộ môn hóa THCS

1. **Đặt vấn đề:**

Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020 đã khẳng định một trong những giải pháp quan trọng để phát triển giáo dục là “Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục”

. Bước sang năm học 2017– 2018, với chủ trương đổi mới mạnh mẽ PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh, việc đổi mới dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh đã góp phần quan trọng trong việc tuyển chọn và phân loại đúng năng lực, trình độ của học sinh thúc đẩy học sinh cố gắng khắc phục thiếu xót hoặc phát huy năng lực, sở trường của mình; đánh giá sự phát triển nhân cách nói chung so với mục tiêu đào tạo và yêu cầu của thực tiễn. Đồng thời tạo những điều kiện thuận lợi cho người dạy nắm vững hơn tình hình học tập và rèn luyện của học sinh hoặc nhóm học sinh; cung cấp thông tin phản hồi có tác dụng giúp việc học, giảng dạy và giáo dục tốt hơn.

Đối với giáo viên: Tạo điều kiện cho người dạy nắm vững hơn tình hình học tập và rèn luyện của học sinh hoặc nhóm học sinh. Cung cấp thông tin phản hồi có tác dụng giúp việc học, giảng dạy và giáo dục tốt hơn, kết quả đánh giá tạo cơ sở điều chỉnh, cải tiến mục tiêu, nội dung chương trình PPDH, kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của quá trình này.

- Giới hạn nghiên cứu của đề tài: Ở một số bài học trong phân môn hóa 8 như bài “Độ tan của một chất”

**3. Cô sôû lyù luaän:**

Leâ Nin noùi raèng : “ Hoïc – Hoïc nöõa – Hoïc maõi”.

- Thaät vaäy, vaán ñeà hoïc taäp hieän nay ñöôïc xem laø quoác saùch haøng ñaàu, noù thuoäc vaøo boán loaïi hình ñöôïc nhaø nöôùc quan taâm nhaát ( ñieän, ñöôøng, tröôøng, traïm). Muïc ñích cuûa vieäc hoïc laø ñaøo taïo ra con ngöôøi Xaõ Hoäi Chuû Nghóa. Do ñoù vieäc phaùt trieån qui moâ giaùo duïc – ñaøo taïo phaûi treân cô sôû ñaûm baûo chaát löôïng vaø hieäu quaû giaùo duïc ñeå ñaùp öùng ngaøy caøng toát hôn yeâu caàu phaùt trieån cuûa ñaát nöôùc trong giai ñoaïn ñaåy maïnh coâng nghieäp hoùa, hieän ñaïi hoùa vaø hoäi nhaäp quoác teá.

- Cuõng nhö caùc moân hoïc khaùc, Hoùa hoïc laø moät trong nhöõng moân hoïc khoâng theå thieáu trong caùc tröôøng THCS. Hoùa hoïc laø moân hoïc thöïc nghieäm noù phaûn aùnh caùc hieän töôïng xaûy ra trong cuoäc soáng vaø vuõ truï, trong ñoù baøi taäp Hoùa hoïc tính theo phöông trình hoùa hoïc laø khaâu quan troïng trong quaù trình daïy vaø hoïc.

- Vôùi yeâu caàu treân laø giaùo vieân ñang tröïc tieáp giaûng daïy boä moân Hoùa hoïc phaûi xaùc ñònh roõ muïc tieâu giaùo duïc ñoù laø chuaån bò cho hoïc sinh tieáp caän ngaøy caøng gaàn vôùi khoa hoïc coâng ngheä, giuùp hoïc sinh laøm chuû tri thöùc, tieáp caän ñöôïc muõi nhoïn khoa hoïc coâng ngheä nhaèm phaùt huy naêng löïc trong xaõ hoäi môùi.

**4. Cô sôû thöïc tieãn:**

- Hoùa hoïc laø moân khoa hoïc thöïc nghieäm, vì theá định hướng cho học sinh các năng lực tính toán vận dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Reøn cho hoïc sinh coù kyõ naêng nhaän daïng baøi taäp theo möùc ñoä töø deã ñeán khoù, phaùt trieån daàn kyõ naêng hieän coù cuûa hoïc sinh, nhaèm phaùt huy theâm khaû naêng töï hoïc, töï nhaän thöùc vaø ñoäc laäp, saùng taïo cuûa hoïc sinh. Ñoàng thôøi phaùt huy hoaït ñoäng nhoùm.

- Treân cô sôû ñoù, ñeå kích thích tính tích cöïc hoïc taäp cuûa hoïc sinh trong vieäc giaûi baøi taäp tính theo phöông trình hoùa hoïc, baûn thaân giaùo vieân caàn xaùc ñònh vai troø cuûa mình ñoái vôùi hoïc sinh.

+ Giaùo vieân caàn coi troïng lôïi ích, nhu caàu, höùng thuù hoïc taäp cuûa hoïc sinh phat huy toái ña caùc naêng löïc coøn tìm aån cuûa hoïc sinh. Hình thaønh cho hoïc sinh phöông phaùp hoïc taäp khoa hoïc, naêng löïc saùng taïo, loøng say meâ yeâu thích boä moân.

+ Phaùt huy toái ña tính tích cöïc, ñoäc laäp, saùng taïo cuûa hoïc sinh.

+ Giaùo vieân höôùng daãn cho hoïc sinh nghieân cöùu ñeå tìm höôùng giaûi phuø hôïp. Qua caùc baøi taäp töø deã ñeán khoù daàn taïo ra söï tích cöïc, töï löïc saùng taïo trong hoïc taäp cuûa hoïc sinh.

**5. Nội dung nghiên cứu:**

**5.1. Thực trạng dạy học môn Hóa học hiện nay:**

* + 1. **Ưu điểm:**

Một, dạy học thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

Hai, chú trọng rèn luyện cho học sinh biết khai thác sách giáo khoa và các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới…

Ba, tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác, lớp học trở thành môi trường giao tiếp GV – HS và HS – HS nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

Bốn, chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập (đánh giá lớp học). Chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh.

**5.1.2Tồn tại:**

* Nếu vận dụng một cách thiên lệch, không chú ý đầy đủ đến nội dung dạy học thì có thể dẫn đến các lỗ hổng tri thức cơ bản và tính hệ thống của tri thức.
* Một số học sinh còn thụ động, chưa chủ động tiếp cận kiến thức nên việc học theo phương pháp nghiên cứu còn hạn chế.

- Đổi mới dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh phải kết hợp dạy học theo chủ đề mà chương trình sách giáo khoa cũ chưa đáp ứng được yêu cầu.

**5.2. Giải quyết vấn đề:**

Nội dung chuyên đề: ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH THỂ HIỆN Ở BÀI HÓA 8: “ĐỘ TAN CỦA MỘT CHẤT”

**5.2.1 Về** **nội dung:**  Đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực học sinh được tiến hành ở ba khâu quan trọng:

- Một là: Đổi mới các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục: Chuyển từ chương trình định hướng nội dung dạy học sang chương trình định hướng năng lực và định hướng chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực của chương trình giáo dục cấp THCS.

- Hai là: Đổi mới PHDH bao gồm: việc cải tiến các PPDH truyền thống thay thế bằng các PPDH nhằm chú trọng phát triển năng lực của học sinh; kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học; vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, theo tình huống và định hướng hành động đặc biệt là việc tăng cường sử dụng phương tiện dạy học, công nghệ thông tin hợp lí hỗ trợ …

- Ba là: Đổi KTĐG kết quả học tập của học sinh: chuyển từ đánh giá tổng kết sang đánh giá quá trình; từ đánh giá chủ yếu từ ghi nhớ, hiểu kiến thức, ... sang đánh giá năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đặc biệt chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo; xem đánh giá như là một PPDH (tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học); tăng cường sử dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở cấp độ thấp và vận dụng ở cấp độ cao.

**5.2.2 Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực**

**5.2.2.1. Kiến thức:** Biết được:

- Khái niệm về độ tan theo khối lượng hoặc thể tích.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của chất rắn, chất khí: nhiệt độ, áp suất

**5.2.2.2 Kĩ năng**

- Tra bảng tính tan để xác định được chất tan, chất không tan, chất ít tan trong nước.

- Thực hiện thí nghiệm đơn giản thử tính tan của một vài chất rắn, lỏng, khí cụ thể.

- Tính được độ tan của một vài chất rắn ở những nhiệt độ xác định dựa theo các số liệu thực nghiệm.

**5.2.2.3 . Thái độ**

- Giáo dục đức tính cẩn thận chính xác, lien hệ thực tế liên quan đến bài học tạo hứng thú học tập cho học sinh

- Khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh.

**5.3.Định hướng các năng lực được hình thành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên năng lực** | **Các kĩ năng thành phần** |
| 1 | Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học | - HS biết sử dụng các kí hiệu hoá học, khái niệm độ tan.  - Biết sử dụng bảng tính tan trong nước của một số hợp chất. |
| 2 | Năng lực thực hành hóa học | - HS biết sử dụng dụng cụ và hoá chất để tiến hành các thí nghiệm liên quan độ tan của một số chất (thí nghiệm hòa tan các chất trong nước).  - Hình thành cho HS năng lực quan sát, giải thích các hiện tượng thí nghiệm có liên quan tính tan của một số chất qua sự hỗ trợ của giáo viên. |
| 3 | Năng lực tính toán hóa học. | - HS biết sử dụng định nghĩa độ tan để tính toán một số bài toán liên quan.  - Tìm ra mối liên hệ toán học giữa kiến thức hoá học và các phép toán (các bài tập đinh lượng). |
| 4 | Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn Hóa học và vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống | Từ kiến thức về độ tan của các chất trong nước học sinh giải quyết được một số tình huống trong thực tế vận dụng vào cuộc sống như: Các chất tan được trong nước và không tan được trong nước, hay các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan như nhiệt độ (khi pha đường vào nước nóng sẽ nhanh tan hơn), hay độ tan của chất khí: Khi mở nắp chai nước có ga có hiện tượng sủi bọt khí do áp suất giảm độ hoà tan của chất khí giảm. |

**Các câu hỏi theo các mức độ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | | **Câu hỏi** | **Mức độ** |
| 1 | Chất tan là gì? | | Nhận biết |
| 2 | Dung môi là gì? | | Nhận biết |
| 3 | Dung dịch là gì? | | Nhận biết |
| 4 | Dung dịch chưa bảo hòa là gì? | | Nhận biết |
| 5 | Dung dịch bảo hòa là gì? | | Nhận biết |
| 6 | Cho 1 ít CaCO3 vào, cho nước vào, lắc mạnh- lọc, lấy nước lọc cô cạn trên lam kính không thấy hiện tượng gì chứng tỏ điều gì? | | Thông hiểu |
| 7 | Cho 1 ít muối ăn vào, cho nước vào, lắc mạnh- lọc, lấy nước lọc cô cạn trên lam kính thấy trên giấy lọc không có gì còn trên lam kính có vết mờ chứng tỏ điều gì? | | Thông hiểu |
| 8 | Dựa vào bảng tính tan cho biết những muối của kim loại nào, gốc axit nào tan hết trong nước? | | Nhận biết |
| 9 | Dựa vào bảng tính tan cho những muối nào phần lớn không tan trong nước? | | Nhận biết |
| 10 | Dựa vào bảng tính tan cho những muối nào phần lớn tan trong nước? | | Nhận biết |
| 11 | Độ tan của một chất trong nước là gì? | | Nhận biết |
| 12 | Độ hoà tan của chất khí trong nước phụ thuộc vào những yếu tố nào? | | Nhận biết |
|  | Điều kiện nào để tăng độ hoà tan của chất khí? | | Thông hiểu |
| 13 | Khi đun sôi nước có hiện tượng gì? Tại sao? | | Vận dụng thấp |
| 14 | Khi mở nắp chai nước có ga có hiện tượng gì? Tại sao? | | Vận dụng thấp |
| 15 | Lập công thức tính độ tan của một chất trong nước? | | Vận dụng thấp |
| 16 | Lập công thức liên quan giữa độ tan và nồng độ phần trăm của dung dịch? | | Vận dụng cao |
| 17 | Bài 2: Tính độ tan của dung dịch bão hoà Na2SO4 ở 100C. Biết rằng ở 100C khi hoà tan 7,2g Na2SO4 vào 80g H2O thì được dung dịch bão hoà Na2SO4. | | Vận dụng thấp |
| 18 | Ở 400C, độ tan của K2SO4 là 15. Hãy tính nồng độ phần trăm của dung dịch K2SO4 bão hoà ở nhiệt độ này? | | Vận dụng cao |

* 1. **Giáo án minh họa:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 32**  **Tiết 62** | **ĐỘ TAN CỦA MỘT CHẤT TRONG NƯỚC** | **NS:**  **ND:** |

**A/ MỤC TIÊU**:

**1/ Kiến thức:**  Biết được:

- Khái niệm về độ tan theo khối lượng hoặc thể tích.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của chất rắn, chất khí: nhiệt độ, áp suất

**2/ Kĩ năng**

- Tra bảng tính tan để xác định được chất tan, chất không tan, chất ít tan trong nước.

- Thực hiện thí nghiệm đơn giản thử tính tan của một vài chất rắn, lỏng, khí cụ thể.

- Tính được độ tan của một vài chất rắn ở những nhiệt độ xác định dựa theo các số liệu thực nghiệm

**3/Thái độ**

- Giáo dục đức tính cẩn thận chính xác, lien hệ thực tế liên quan đến bài học tạo hứng thú học tập cho học sinh

- Khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh.

**4/ Định hướng phát triển năng lực:**

* Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học
* Năng lực thực hành hóa học
* Năng lực tính toán hóa học.
* Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn Hóa học và vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống

**B/ CHUẨN BỊ:**

**GV:** chuẩn bị dụng cụ cho 6 nhóm, mỗi nhóm gồm:

**\* Dụng cụ: \*Hoá chất:**

- Ống nghiệm: 2 - CaCO3

- Kẹp ống nghiệm: 1 - Muối ăn

- Đèn cồn: 1 ; diêm: 1 - Nước

- Lam kính: 1

- Cốc thuỷ tinh: 1

- Đũa thuỷ tinh: 1

- Giấy lọc, phểu

\* Tranh: - Ảnh hưởng của nhiệt độ đến độ tan của chất rắn

- Bảng tính tan

**C/ TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG1: KTBC**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV:**- Thế nào là dung dịch, dung môi, chất tan. Cho vd; Làm miệng bài 6  - Thế nào là dung dịch bão hoà, chưa bão hoà? – Làm miệng BT 6 | **HS:** Gọi lần lượt từng HS lên bảng. |

**HOẠT ĐỘNG 2: I/ CHẤT TAN VÀ CHẤT KHÔNG TAN**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV:** Cô có 2 chất CaCO3 và muối ăn (NaCl) làm thế nào để biết chất nào tan trong nước, chất nào không tan trong nước?  **GV:** Ngoài những chất không tan và tan trong nước còn có những chất tan nhiều trong nước như C12H22O11, rượu etylic,... còn có những chất tan ít trong nước như: Ca(OH)2, CaSO4,...  **GV:** YC HS rút ra kết luận qua 2 TN.  **GV:** Treo bảng tính tan và hướng dẫn HS cách xem bảng tính tan và yêu cầu HS lần lượt trả lời Tính tan của các axit, bazơ, muối của kim loại K, Na, nitrat, clorua, cacbonnat, sunfat, photphat, sunfit, muối axit. | **1/ Thí nghiệm về tính tan của chất:**  **HS: Làm TN nêu phương án TN:**  - Ống 1: cho 1 ít CaCO3 vào, cho nước vào, lắc mạnh- lọc, lấy nước lọc cô cạn trên lam kính.  - Ống 2: cho 1 ít muối ăn vào, cho nước vào, lắc mạnh- lọc, lấy nước lọc cô cạn trên lam kính.  Quan sát hiện tượng ở 2TN, nhận xét.  Làm cả 2 TN cùng lúc theo nhóm và báo cáo kết quả TN:  **a/ TN 1:**  Ống nghiệm 1: Trên giấy lọc có chất chất rắn màu trắng, trên tấm kính không có dấu vết gì  Chứng tỏ CaCO3 không tan trong nước.  **b/ TN 2:**  Ống nghiệm 2: Trên giấy lọc không có gì, trên tấm kính có vết mờ  Chứng tỏ NaCl tan trong nước.  **c/ Kết luận:**   * **Có chất không tan và có chất tan trong nước.** * **Có chất tan nhiều và có chất tan ít trong nước.**   **2/ Tính tan trong nước của một số axit, bazơ, muối:**  **HS:** lần lượt trả lời:  **a/ Axit: Hầu hết tan được trong nước trừ H2SiO3**  **b/ Bazơ:Phần lớn các bazơ không tan trong nước trừ: KOH, NaOH,Ba(OH)2, LiOH,** **NH4OH, Ca(OH)2, ít tan.**  **c/ Muối:**   * **Những muối của K, Na đều tan.** * **Những muối Nitrat đều tan.** * **Muối clorua hầu hết tan trừ AgCl không tan PBCl2 ít tan.** * **Phần lớn muối sunfat đều tan trừ BaSO4, PbSO4 không tan và CaSO4, Ag2SO4 ít tan.** * **Phần lớn các muối cacbonat, sunfit, phôtphat không tan trừ muối của K,Na.** |

**HOẠT ĐỘNG 3: II/ ĐỘ TAN CỦA MỘT CHẤT TRONG NƯỚC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Gv: giới thiệu:**  ở 250C cứ 36 gam NaCl tan trong 100 gam nước tạo thành dung dịch bão hòa. Người ta nói độ tan của NaCl ở 250C là 36g.Vậy dựa vào VD em thử định nghĩa độ tan.  Ở 700C độ tan của KNO3 là 140 gam. Em hiểu như thế nào?  Bài 1: Tính độ tan của dung dịch bão hoà Na2SO4 ở 100C. Biết rằng ở 100C khi hoà tan 7,2g Na2SO4 vào 80g H2O thì được dung dịch bão hoà Na2SO4.  GV: YC HS qua bài tập rút ra công thức tính độ tan  **GV:** treo tranh H6.5 Yc HS quan sát nhận xét : Độ tan của NaNO3, KBr, KNO3, NH4Cl, Na2SO4, NaCl  **GV: Thông báo thêm:**   * Độ tan của NaCl trong 250C là 36,2 gam, ở 1000C là 39,2 gam * Một số chất độ tan giảm khi tăng t0 như: Na2SO4 ở 400C là 50 gam, ở 1000C là 41 gam. * Có những chất mà sự tăng t0C làm độ tan tăng rất lớn như: KNO3 ở 300C tan 45 gam, ở 700C tan 140 gam   **GV:** Qua biểu đồ và các thông tin, em có nhận xét gì về độ tan của nhiều chất rắn  **GV:** - Khi đun sôi nước có hiện tượng gì? Tại sao?   * Khi mở nắp chai nước có ga có hiện tượng gì? Tại sao?   **GV:** Vậy độ hoà tan của chất khí trong nước phụ thuộc vào những yếu tố nào?  Điều kiện nào để tăng độ hoà tan của chất khí?  **GV:** Liên hệ thực tế về việc uống nước có ga cần uống lạnh sẽ mát hơn. | **1/ Định nghĩa:**  **HS:**  **Độ tan (S) của một chất trong nước là số gam chất đó tan trong 100 gam nước để trở thành dung dịch bão hoà ở một nhiệt độ xác định.**  **HS:** Ở 700C có 140 gam KNO3 tan trong 100 gam H2O tạo thành 240 gam dung dịch KNO3  **HS:** hoạt động theo nhóm:  Độ tan của dung dịch bão hoà Na2SO4 ở 100C là:    S =  = 9 (g)  S =  Đối với chương trình toán độ tan dung môi thường là nước  **2/ Những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan:**  **HS:** Dựa vào HV trả lời  **HS:**   * **Độ tan của chất rắn trong nước phụ thuộc vào t0.** * **Độ tan của chất rắn trong nước phần lớn là tăng khi tăng t0.**   **b/Độ tan của chất khí:**  **HS:** Khi đun nước có hiện tượng sủi bọt khí, khi nước sôi không còn bọt khí do ở t0 thấp độ hoà tan của chất khí tăng, khi đến 1000C khí hoàn toàn không tan trong nước.  HS: Khi mở nắp chai nước có ga có hiện tượng sủi bọt khí do áp suất giảm độ hoà tan của chất khí giảm.  **HS:**   * **Độ hoà tan của chất khí trong nước phụ thuộc vào nhiệt độ và áp suất.** * **Độ tan của chất khí trong nước sẽ tăng nếu giảm t0 và tăng áp suất.** |

**HĐ 4: CỦNG CỐ- DẶN DÒ:**

**HS: -** Làm bài tập 1, 2, 3 SGK. Đọc ghi nhớ

**Vận dụng:** Dùng nước đun sôi để nguội rồi cho vào chai để nuôi cá cảnh có được không? Vì sao

**Dặn dò:** Làm BT 4, 5 SGK và SBT. Chuẩn bị bài: Nồng độ dung dịch.

**6.Kết quả:**  Baûng thoáng keâ keát quaû reøn luyeän cuûa hoïc sinh:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thôøi ñieåm khaûo saùt | Lôùp | Toång soá hoïc sinh | Döôùi trung bình | | | | Treân trung bình | | | | |
| 0 ñeán 3,4 | 3,5 ñeán 4,9 | Toång soá | Tæ leä (%) | 5,0 ñeán 6,4 | 6,5 ñeán 7,9 | 8,0 ñeán 10 | Toång soá | Tæ leä (%) |
| Cuoái HK II | 8 | 56 | 0 | 0 | 0 | 0 | 31 | 15 | 10 | 56 | 100 |

Nhìn chung keát quaû hoïc taäp cuûa hoïc sinh lôùp THCS coù söï tieán boä roõ reät sau khi aùp duïng **“ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH TRONG PHÂN MÔN HÓA 8: BÀI ĐỘ TAN CỦA MỘT CHẤT ”.**

**7.Kết luận:**

Trên đây là chuyên đề về: “Đổi mới PPDH, KTĐG theo định hướng phát triển năng lực của học sinh”, mà bộ môn Hóa học đã thể hiện trong tiết dạy “Độ tan của một chất trong nước” ở lớp 8. Qua tiết dạy, tôi nhận thấy đã phát huy được các năng lực của HS: NL tự nghiên cứu SGK, NL tìm kiếm thông tin trên web, NL hoạt động nhóm... . Học sinh đã phát huy được tính tích cực, chủ động trong quá trình học, và kết quả đánh giá của HS còn tạo cơ sở cho giáo viên điều chỉnh, cải tiến mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của giáo dục.

Trên cơ sở tham khảo các nguồn tài liệu, với kiến thức hạn hẹp chuyên đề mong góp một phần nhỏ để các thầy, cô trao đổi thông tin, chuẩn bị cho sự đổi mới giáo dục sắp đến. Với thời gian và giới hạn về đề tài, không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, mong quý thầy, cô đóng góp ý kiến để chuyên đề được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn.

**8. Đề nghị:**

- Đối với phòng giáo dục: Quan tâm nhiều hơn tới đội ngũ giáo viên về nâng cao trình độ chuyên môn của mình, thường xuyên tổ chức các chuyên đề cấp huyện về chuyên môn cho giáo viên

- Đối với cụm: Thường xuyên tổ chức các chuyên đề tại tổ, nhóm bộ môn về nâng cao chất lượng dạy học.

- Ngoài ra, bản thân mỗi giáo viên phải có ý thức bồi dưỡng, tự bồi dưỡng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

Đại Tân, ngày 4 tháng 12 năm 2017

Duyệt của TTCM Người thực hiện

**9. Tài liệu tham khảo:**

- Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Sách giáo khoa hóa học 8.

- Modun 23 THCS: Kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực .

**10. Mục lục:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Trang** |
| Tên đề tài | 1 |
| Đặt vấn đề | 1 |
| Cơ sở lí luận | 1 |
| Cơ sở thực tiễn | 2 |
| Nội dung nghiên cứu   * Thực trạng dạy học môn Hóa học hiện nay * Giải quyết vấn đề * Định hướng các năng lực được hình thành * Giáo án minh họa | 2  3  3  6 |
| Kết quả nghiên cứu | 9 |
| Kết luận | 10 |
| Đề nghị | 10 |
| Tài liệu tham khảo | 10 |

**11.Phiếu đánh giá xếp loại SKKN:**

YÙ KIEÁN NHAÄN XEÙT VAØ ÑAÙNH GIAÙ CUÛA HOÄI ÑOÀNG KHOA HOÏC

1/. Caáp tröôøng ( Ñôn vò):

+ Nhaän xeùt:

+ Xeáp loaïi:

2/. Caáp phoøng ( Huyeän, Thò):

+ Nhaän xeùt:

+ Xeáp loaïi:

3/. Caáp ngaønh ( Tænh):

+ Nhaän xeùt:

+ Xeáp loaïi: